

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 19-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hoài Trí

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Lưu Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn D; chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24/6/2005.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rượu say về đánh đập chị H, hiện hai vợ chồng không còn sống chung, chị H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2018, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc nên chị H quyết định làm đơn ly hôn với anh Đ.

Quá trình chung sống, chị H và anh Đ có hai người con chung tên Nguyễn Đăng Hồng L, sinh ngày 16/6/2006 và Nguyễn Đăng Phúc T, sinh ngày 16/4/2008. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Chứng cứ mà chị H giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 đơn ly hôn ngày 12/11/2018; 01 giấy chứng minh nhân dân chị H (bản pho to có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu thường trú của chị H (bản pho to có chứng thực); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 02 giấy khai sinh của con chung tên Nguyễn Đăng Hồng L và Nguyễn Đăng Phúc T (bản sao); 01 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (bản pho to); 01 bản tự khai của nguyên đơn; 01 đơn đề nghị xác nhận chỗ ở hợp pháp của nguyên đơn; bảng lương tháng 10/2018, 11/2018, 12/2018 của nguyên đơn. Ngoài ra, chị H không cung cấp chứng cứ hay trình bày ý kiến gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Phước Đ trình bày: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình chung sống từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24/6/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể: Những năm gần đây do chị H công việc cơ quan nhiều nên chị H ít có thời gian lo cho gia đình, ít ăn cơm nhà, thường xuyên về trễ, không lo cho con đi học, chị H chỉ xem nhà là nơi tạm bợ nên giữa hai vợ chồng xảy ra gây gổ, anh Đ có hành vi lôi chị H từ trên giường xuống đất để nói chuyện (việc này xảy ra nhiều lần do chị H không chịu nói chuyện). Do công việc nên anh Đ phải tiếp khách nên có uống rượu. Sau khi uống rượu xong thì anh Đ về nhà, lúc khỏe thì anh Đ xem tivi hoặc nói chuyện với chị H, khi mệt thì anh Đ đi ngủ. Tháng 11/2018, do giữa anh Đ và chị H xảy ra mâu thuẫn không tự giải quyết được nên chị H dọn về nhà cha mẹ ruột của chị H sinh sống. Anh Đ có đến nhà cha mẹ chị H nói chuyện với cha mẹ và chị H nhưng chị H vẫn không đồng ý quay về. Từ tháng 11/2018 đến nay, anh Đ và chị H đã không còn sống chung với nhau.

Tòa án có cho thời gian để hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Trong thời gian đó, anh Đ có đến nhà mẹ chị H nhờ tác động nhưng không có kết quả, riêng chị H thì anh Đ không gặp nói chuyện được. Mặc dù cuộc sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng anh Đ cho rằng chưa đến mức trầm trọng, anh Đ vẫn còn thương vợ, thương con và muốn gia đình đoàn tụ nên anh Đ không đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống, anh Đ và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Đăng Hồng L, sinh ngày 16/6/2006 và Nguyễn Đăng Phúc T, sinh ngày 16/4/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Đ yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ cũng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Chứng cứ mà anh Đ giao nộp là bản tự khai ngày 25/01/2019; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 608738 đứng tên Nguyễn Phước Đ (bản sao y); bảng thanh toán tiền lương tháng 11/2018, 12/2018, 01/2019 của UBND thị trấn D (bản sao y). Ngoài ra, anh Đ không cung cấp chứng cứ hay trình bày ý kiến gì khác.

- Quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án hai con chung trình bày:

Ý kiến cháu Nguyễn Đăng Hồng L: Khi cha và mẹ ly hôn, không chung sống với nhau thì cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Ý kiến cháu Nguyễn Đăng Phúc T: Khi cha và mẹ ly hôn, không chung sống với nhau thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Phước Đ về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Phước Đ.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng Phúc T, sinh ngày 16/4/2008. Anh Nguyễn Phước Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng Hồng L, sinh ngày 16/6/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh Đ về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2019 chị H có đơn kháng cáo. Nội

dung kháng cáo: Kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Nguyễn Đăng Hồng L, sinh ngày 16/6/2006 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đăng Phúc T, sinh ngày 16/4/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào nguồn thu nhập của chị H 2.800.000 đồng/tháng làm việc hợp đồng tại Hội người cao tuổi huyện D để cho rằng nguồn thu nhập thấp không đảm bảo điều kiện nuôi con nên giao cháu L cho anh Đ nuôi dưỡng là không đảm bảo. Bởi lẽ không thể mặc định lấy nguồn lương cơ bản của nhà nước làm nguồn thu nhập chính như Tòa án nhận định vì ngoài thu nhập trên chị H còn có các nguồn thu nhập từ các công việc khác. Tại biên bản lấy ý kiến của hai cháu, nguyện vọng của cháu L và cháu T đều muốn sống với mẹ, như vậy cho thấy chị H luôn gần gũi và chăm sóc tốt cho hai cháu, hơn nữa từ nhỏ hai cháu sống chung với nhau việc giao mỗi người nuôi mỗi cháu làm ảnh hưởng đến tâm lý, điều kiện sống của hai cháu nên cần giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng là có cơ sở. Kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phước Đ có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24/6/2005. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp. Việc Tòa án sơ thẩm xét xử và quyết định cho chị H ly hôn với anh Đ các đương sự không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không có kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị H về việc tranh chấp nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh Đ có 02 con là cháu Nguyễn Đăng Hồng L, sinh ngày 16/6/2006 và cháu Nguyễn Đăng Phúc T, sinh ngày 16/4/2008. Mặc dù hiện nay 02 cháu L và T đang sống cùng anh Đ. Tuy nhiên nguyện vọng của 02 cháu là được sống với mẹ là chị H. Xét thấy cháu L đã 13 tuổi, cháu T 11 tuổi nên đã nhận thức được phần nào về cuộc sống của bản thân khi được sống với mẹ hoặc với cha. Hơn nữa, tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị H

cung cấp chứng cứ mới cho Tòa án là những đơn thuốc, giấy ra viện thể hiện anh Đ có tiền sử bị bệnh rối loạn tâm thần. Theo chỉ định của bác sĩ thì anh Đ không được uống rượu và phải giảm thuốc lá, tuy nhiên chính anh Đ thừa nhận vẫn đi uống rượu. Như vậy việc Tòa án sơ thẩm giao cháu L cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L như quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào số tiền lương của chị H được chi trả để xác định khả năng nuôi con của chị H là không chính xác, bởi việc nuôi con tốt không phải chỉ do có điều kiện tài chính mà còn nhiều yếu tố khác như: Sự quan tâm, tình thương yêu; môi trường sống; tính cách người nuôi dưỡng... Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, cháu L và cháu T bày tỏ nguyện vọng được sống với mẹ là chị H. Vì vậy, chị H kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.
2. Sửa bản án Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Phước Đ về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Phước Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung: Cháu Nguyễn Đăng Phúc T, sinh ngày 16/4/2008 và cháu Nguyễn Đăng Hồng L, sinh ngày 16/6/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Phước Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có

quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0012738 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H không phải nộp. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0031405 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Hoài Trí